|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  18/4/2023 | Tiết theo PPCT | Ngày dạy | Lớp | Tiết | Ghi chú |
| 64 | 20/4/2024 | 9A |  |  |
| 23/4/2024 | 9B |  |  |
| 23/4/2024 | 9C |  |  |
| 23/4/2024 | 9D |  |  |
| 65 | 24/4/2024 | 9A |  |  |
| 27/4/2024 | 9B |  |  |
| 27/ 4/2024 | 9C |  |  |
| 27/4 /2024 | 9D |  |  |
| 66 | 25/4 /2024 | 9A |  | Bù buổi chiều |
| 25/4 /2024 | 9B |  | Bù buổi chiều |
| 27/4 /2024 | 9C |  |  |
| 2/5/2024 | 9D |  |  |

...............................................................

## TiÕt 64, 65, 66-Bµi 63: ¤n tËp HỌC KÌ II

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng những kiến thức đã học để làm một số bài tập.

- Hệ thống hóa kiến thức cơ bản về sinh vật, hệ sinh thái và môi trường.

- Vận dụng lí thuyết vào thực tiễn cuộc sống.

*2. Năng lực*

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

|  |  |
| --- | --- |
| N¨ng lùc chung | N¨ng lùc chuyªn biÖt |
| - Năng lực phát hiện vấn đề  - Năng lực giao tiếp  - Năng lực hợp tác  - Năng lực tự học  - N¨ng lùc sö dông CNTT vµ TT | - Năng lực kiến thức sinh học  - Năng lực thực nghiệm  - Năng lực nghiên cứu khoa học |

3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

**1. Ổn định lớp (1p):**

**2. Kiểm tra bài cũ**

3. Bài mới:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họat động của giáo viên | | Họat động của học sinh | | | Nội dung | |
| **HOẠT ĐỘNG 1:** Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu(5’)  a. Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.  b. Nội dung: Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.  c. Sản phẩm:Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.  d. Tổ chức thực hiện:Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp. | | | | | | |
| - Đặt vấn đề: Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta? Vậy chúng ta cần áp dụng Luật BVMT ở địa phương ntn?  - Gv n/xét -> Cô cùng các em nghiên sẽ tìm hiểu bài 62. | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 2**: Hình thành kiến thức  a) Mục tiêu: những mối quan hệ giữa các sinh vật cùng loài và khác loài: cạnh tranh, hỗ trợ, cộng sinh, hội sinh, kí sinh, ăn thịt sinh vật khác.  - đặc điểm (phân loại, ví dụ, ý nghĩa) các mối quan hệ cùng loài, khác loài.  b) Nội dung: HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.  c) Sản phẩm: Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.  d) Tổ chứcthực hiện: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. | | | | | | |
| - GV cho HS thảo luận theo nhóm các câu hỏi. Sau đó cho các nhóm cử đại diện trả lời câu hỏi. | - HS tiến hành thảo luận theo nhóm các câu hỏi. Thống nhất đáp án cử đại diện trả lời. | | I. Phần lý thuyết (25p):  *Câu 1*: Môi trường là gì? Những nhân tố sinh thái nào của môi trường ảnh hưởng lên đời sống sinh vật?  *Câu 2*: Các sinh vật cùng loài và sinh vật khác loài ảnh hưởng lẫn nhau như thế nào?  *Câu 3*: Quần thể sinh vật là gì? Nêu những đặc trưng của quần thể sinh vật? Nêu những đặc trưng của quần thể người người?  *Câu 4*: Quần xã sinh vật là gì? Những dấu hiệu điển hình của một quần xã? Phân biệt quần thể sinh vật với quần xã sing vật?  *Câu 5*: Hệ sinh thái là gì? Lưới thức ăn? Chuỗi thức ăn? Lấy VD?  *Câu 6:* Nêu những tác động của con người tới môi trường qua các thời kỳ phát triển xã hội?  *Câu 7*: Ô nhiễm môi trường là gì? Nêu các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường? Nêu các biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường?  *Câu 8*: Phân biệt các dạng tài nguyên thiên nhiên? Lấy VD minh họa? Tại sao cần phải sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên?  *Câu 9:* Luật bảo vệ môi trường ra đời nhằm mục đích gì? Vai trò của học sinh trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường? | | | | |
| II. Trắc nghiệm (15p):  Câu 1: *Khoanh tròn vào đáp án chỉ câu trả lời đúng nhất.*  *1. SV có những mặt thích nghi nào sau đây đối với các điều kiện sống của môi trường?*  a. Hình thái b.Cấu tạo  c. Hoạt động sống  d. Cả a, b, c  *2. Giới hạn sinh thái là … của cơ thể SV đối với một nhân tố sinh thái nhất định.*  a. Giới hạn sống  b. Giới hạn chết  c. Giới hạn chịu đựng  d. Cả a, b.  *3. Nhân tố sinh thái là những yếu tố của môi trường … tới sinh vật.*  a. Tác động b. Liên hệ  c. Không tác động d. Ko a/hưởng  *4. Cây xanh sử dụng ánh sáng mặt trời để:*  a. Quang hợp b. Hô hấp  c. Thoát hơi nước d. Cả a, b  *5. Quần thể người có đặc trưng nào sau đây khác so với QTSV khác?*  a. Tỉ lệ giới tính  b. Thành phần nhóm tuổi  c. Mật độ.  d. Đặc trưng kinh tế - xã hội.  *6. Nguyên nhân chủ yếu làm mất cân bằng sinh thái là do.*  a. Sinh vật. b. Con người.  c. Núi lửa. d. Cả c, b.  *7.Tài nguyên sinh vật gồm.*  a. Tài nguyên đất, tài nguyên nước.  b. Tài nguyên sinh vật, tài nguyên nước  c. Tài nguyên đất, tài nguyên SV.  d. Tài nguyênđất, tài nguyên nước và SV | | | | - GV treo bảng phụ ghi nội dung bài tập trắc nghiệm.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm chọn câu trả lời đúng.  - GV nhận xét và chốt đáp án.  1.d , 2.c , 3.a , 4.a , 5.d , 6.d , 7.d | | - HS thảo luận theo nhóm. Thống nhất đáp án.  - Đại diện nhóm trả lời-> Nhóm khác n/xét, bổ sung. |

**4. Kiểm tra- đánh giá (3p):**

- Nhận xét về qúa trình học tập liên quan đến kiến thức vừa ôn.

5**. Dặn dò (1p):**

- Xem lại kiến thức Sinh học 9. Giờ sau học bài 64.

- GV yêu cầu các nhóm hoàn thành các các phiếu học tập (nội dung các bảng 64.1 - > 64.6 SGK ) -> để các em điền và hoàn thành trước giờ học

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*